

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2013  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2013**



**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 23

17  
Đ  
NH  
A  
AN  
UC  
M

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2

Số 13, đường Mai Hắc Đế, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đậu Thảo	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thế Hùng	Ủy viên
Ông Phạm Văn Tạo	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2013)
Ông Mạnh Xuân Kỳ	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2013)
Bà Lê Thị Thu Phương	Ủy viên
Ông Nguyễn Đình Thanh	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2013)
Ông Nguyễn Duy Thân	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2013)

##### Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đậu Thảo	Giám đốc
Ông Mạnh Xuân Kỳ	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Hùng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Thân	Phó Giám đốc

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Đậu Thảo  
Giám đốc

Ngày 12 tháng 08 năm 2013



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.  
Address: Room 3203, 32<sup>th</sup> Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.  
Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 3387/2013/BCSX-IFC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 của Công ty Cổ phần Xây dựng điện Vneco2

**Kính gửi: Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây dựng điện Vneco2**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng điện Vneco2 (sau đây gọi tắt là "Công ty") cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 được lập ngày 12 tháng 08 năm 2013 từ trang 4 đến trang 23.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc soát xét.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



*[Handwritten signature of Phạm Tiến Dũng]*

**Phạm Tiến Dũng**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
GCNĐKHNKT số 0747-2013-072-1  
Ngày 12 tháng 08 năm 2013

*[Handwritten signature of Nguyễn Nam Cường]*

**Nguyễn Nam Cường**  
**Kiểm toán viên**  
GCNĐKHNKT số 1950-2013-072-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mẫu B 01-DN  
Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>37.784.355.205</b>	<b>32.104.129.409</b>
<b>I. Tiền và khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>607.302.919</b>	<b>303.978.424</b>
1. Tiền	111	V.1	607.302.919	303.978.424
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.592.349.900</b>	<b>2.154.593.300</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	4.991.940.460	4.991.940.460
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.399.590.560)	(2.837.347.160)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>21.630.648.666</b>	<b>19.752.206.112</b>
1. Phải thu khách hàng	131		20.689.487.346	19.000.435.006
2. Trả trước cho người bán	132		236.957.992	70.981.694
3. Các khoản phải thu khác	135	V.3	1.924.265.856	1.900.851.940
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.220.062.528)	(1.220.062.528)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>7.599.162.074</b>	<b>6.842.911.808</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.4	7.599.162.074	6.842.911.808
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.354.891.646</b>	<b>3.050.439.765</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		199.223.258	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	5.155.668.388	3.050.439.765
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4.394.625.931</b>	<b>4.457.995.600</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.016.829.471</b>	<b>4.140.743.724</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	1.060.546.640	1.188.743.724
- Nguyên giá	222		11.297.764.564	12.145.117.035
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.237.217.924)	(10.956.373.311)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	2.956.282.831	2.952.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258	V.8	30.000.000	30.000.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>347.796.460</b>	<b>287.251.876</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	347.796.460	287.251.876
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>42.178.981.136</b>	<b>36.562.125.009</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

MẪU B 01-DN  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>19.290.908.566</b>	<b>14.315.017.695</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>19.262.028.566</b>	<b>14.260.097.695</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	6.915.885.683	5.657.293.649
2. Phải trả người bán	312		4.027.599.253	3.643.076.427
3. Người mua trả tiền trước	313		2.358.044.650	471.122.291
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	808.054.062	1.142.156.033
5. Phải trả người lao động	315		2.197.525.265	997.392.178
6. Chi phí phải trả	316	V.12	1.347.818.531	790.822.115
7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	1.468.135.335	1.392.669.215
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		138.965.787	165.565.787
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>28.880.000</b>	<b>54.920.000</b>
1. Dự phòng phải trả dài hạn	337	V.14	28.880.000	54.920.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>22.888.072.570</b>	<b>22.247.107.314</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>22.888.072.570</b>	<b>22.247.107.314</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		21.588.800.000	21.588.800.000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(475.357.950)	(475.357.950)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		360.027.124	360.027.124
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		210.622.640	210.622.640
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.203.980.756	563.015.500
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>42.178.981.136</b>	<b>36.562.125.009</b>



Nguyễn Đẩu Thảo  
Giám đốc  
Ngày 12 tháng 08 năm 2013

Nguyễn Thế Hùng  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thế Hùng  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

MẪU B 02-DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	10.283.308.701	10.680.899.109
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		10.283.308.701	10.680.899.109
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	7.859.336.546	9.832.330.372
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.423.972.155	848.568.737
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.796.841	129.104.963
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	(44.317.859)	(572.094.990)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		393.438.741	306.443.310
8. Chi phí bán hàng	24		5.169.000	5.213.320
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.613.314.392	884.123.309
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		851.603.463	660.432.061
9. Thu nhập khác	31		20.090.443	124.090.909
10. Chi phí khác	32		17.073.567	96.668.821
11. Lợi nhuận khác	40		3.016.876	27.422.088
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		854.620.339	687.854.149
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	213.655.083	102.978.122
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		640.965.256	584.876.027
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	306	271



Nguyễn Đậu Thảo  
Giám đốc

Ngày 12 tháng 08 năm 2013

Nguyễn Thế Hùng  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thế Hùng  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

MẪU B 03-DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	11.508.509.591	13.745.917.669
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(2.667.426.695)	(7.014.018.939)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.990.580.104)	(4.525.653.310)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(404.981.294)	(519.466.780)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(89.619.159)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	606.276.552	2.574.352.263
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(6.919.243.271)	(5.982.058.247)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(957.064.380)</b>	<b>(1.720.927.344)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	120.090.909
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.796.841	129.104.963
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.796.841</b>	<b>249.195.872</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền chi trả vốn góp cho CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32	-	(475.357.950)
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	9.579.466.683	12.138.749.466
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8.320.874.649)	(11.247.743.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>1.258.592.034</b>	<b>415.648.116</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>303.324.495</b>	<b>(1.056.083.356)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>303.978.424</b>	<b>1.367.432.621</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>607.302.919</b>	<b>311.349.265</b>



Nguyễn Đậu Thảo  
Giám đốc

Ngày 12 tháng 08 năm 2013

Nguyễn Thế Hùng  
Kê toán trưởng

Nguyễn Thế Hùng  
Người lập



**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2 (sau đây được viết tắt là "Công ty") tiền thân là Xí nghiệp Xây dựng điện và vật tư thuộc Công ty Xây lắp điện 3, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện 3.2 theo Quyết định số 159/2004/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và được đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2006. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900559112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2004 và các lần thay đổi. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 27 tháng 06 năm 2012.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần, vốn điều lệ của Công ty là 21.588.800.000 đồng (hai mươi một tỷ, năm trăm tám mươi tám triệu, tám trăm ngàn đồng), tổng số cổ phần là 2.158.880 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Vốn pháp định là 6 tỷ đồng.

**Lĩnh vực kinh doanh**

- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp đến 500KV;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật;
- Bán buôn vật liệu xây dựng (gạch block, gạch terrazzo, gạch daramic), các sản phẩm bê tông;
- Sản xuất vật liệu xây dựng (gạch block, gạch terrazzo, gạch daramic);
- Sản xuất các sản phẩm bê tông;
- Bán buôn hàng trang trí nội thất;
- Bán buôn vật tư, thiết bị điện;
- Đầu tư, kinh doanh bất động sản (nhà, đất);
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị, phụ kiện điện trong quá trình xây dựng các công trình điện;
- Tư vấn lập dự án, thẩm tra dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Tư vấn giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp.

Tổng số lao động tại Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 là 87 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 103 người).

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN****Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính*****Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay dài hạn.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền quý.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35
Máy móc thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	05 - 10
Dụng cụ quản lý	03 - 05

**Các khoản Đầu tư chứng khoán**

Các khoản Đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản Đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản Đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ bao gồm: Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng 1 lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng trên một năm.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	42.223.324	49.121.560
Tiền gửi ngân hàng	565.079.595	254.856.864
<b>Cộng</b>	<b>607.302.919</b>	<b>303.978.424</b>

**2. Đầu tư ngắn hạn**

	<b>30/06/2013</b>		<b>01/01/2013</b>	
	<b>Số lượng Cổ phần</b>	<b>Giá trị VND</b>	<b>Số lượng Cổ phần</b>	<b>Giá trị VND</b>
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	152.100	2.467.118.460	152.100	2.467.118.460
Công ty CP Xây dựng điện VNECO9	1.161	24.822.000	1.161	24.822.000
Công ty CP Sông Ba	250.000	2.500.000.000	250.000	2.500.000.000
<b>Cộng</b>		<b>4.991.940.460</b>		<b>4.991.940.460</b>

**3. Các khoản phải thu khác**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về cổ phần hóa	114.421.729	121.771.729
Phải thu khác	1.809.844.127	1.779.080.211
<i>Trong đó:</i>		
<i>Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam</i>	<i>1.055.904.418</i>	<i>990.674.418</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>753.939.709</i>	<i>788.405.793</i>
<b>Cộng</b>	<b>1.924.265.856</b>	<b>1.900.851.940</b>

**4. Hàng tồn kho**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	1.757.721.679	1.042.875.888
Công cụ dụng cụ	63.455.167	51.802.431
Chi phí SXKD dở dang	4.439.950.822	4.371.383.166
Thành phẩm	1.241.360.556	1.270.871.358
Hàng gửi đi bán	96.673.850	105.978.965
<b>Cộng</b>	<b>7.599.162.074</b>	<b>6.842.911.808</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**5. Tài sản ngắn hạn khác**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	4.811.397.700	2.706.169.077
Tài sản thiếu chờ xử lý	344.270.688	344.270.688
<b>Cộng</b>	<b>5.155.668.388</b>	<b>3.050.439.765</b>

**6. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2013	3.652.424.537	6.909.298.798	1.221.778.782	361.614.918	12.145.117.035
Giảm khác (*)	(10.495.883)	(510.241.670)	-	(326.614.918)	(847.352.471)
Tại ngày 30/06/2013	<u>3.641.928.654</u>	<u>6.399.057.128</u>	<u>1.221.778.782</u>	<u>35.000.000</u>	<u>11.297.764.564</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2013	2.538.482.870	6.890.505.240	1.216.927.407	310.457.794	10.956.373.311
Khấu hao trong kỳ	24.765.520	22.495.906	4.851.375	15.539.699	67.652.500
Giảm khác (*)	(367.353)	(490.591.670)	-	(295.848.864)	(786.807.887)
Tại ngày 30/06/2013	<u>2.562.881.037</u>	<u>6.422.409.476</u>	<u>1.221.778.782</u>	<u>30.148.629</u>	<u>10.237.217.924</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2013	<u>1.113.941.667</u>	<u>18.793.558</u>	<u>4.851.375</u>	<u>51.157.124</u>	<u>1.188.743.724</u>
Tại ngày 30/06/2013	<u>1.079.047.617</u>	<u>(23.352.348)</u>	<u>0</u>	<u>4.851.371</u>	<u>1.060.546.640</u>

(\*): Công ty ghi giảm tài sản cố định hữu hình theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ tài chính.

Nguyên giá của tài sản cố định tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 9.447.438.818 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 dùng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng là 1.060.546.640 đồng.

**7. Xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư mua Quyền sử dụng đất (*)	2.952.000.000	2.952.000.000
Nhà bảo vệ	4.282.831	-
<b>Cộng</b>	<b>2.956.282.831</b>	<b>2.952.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**7. Xây dựng cơ bản dở dang (Tiếp theo)**

- (\*) Đây là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài với diện tích 1.800 m<sup>2</sup> tại thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. Theo Nghị quyết số 07/NQ/HĐQT ngày 10/4/2006 của Hội đồng quản trị, Công ty đã mua quyền sử dụng lô đất để đầu tư xây dựng kinh doanh du lịch nhà nghỉ tại thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. Hội đồng quản trị đã ủy quyền cho ông Nguyễn Đậu Thảo - Chủ tịch Hội đồng quản trị đứng tên với tư cách cá nhân tham gia đấu thầu để mua quyền sử dụng lô đất đó. Lô đất hiện mang tên ông Nguyễn Đậu Thảo và vợ là bà Mạnh Thị Bích Thủy. Ngày 09/7/2010, ông Nguyễn Đậu Thảo và bà Mạnh Thị Bích Thủy đã ủy quyền về quản lý, sử dụng, cầm cố, thế chấp bán thửa đất này cho Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2 theo Hợp đồng ủy quyền số 0165.2010/HĐUQ với thời hạn ủy quyền là 10 năm. Quyền sử dụng lô đất này hiện đang được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Vinh.

**8. Đầu tư dài hạn khác**

	30/06/2013		01/01/2013	
	Số lượng Cổ phần	Giá trị VND	Số lượng Cổ phần	Giá trị VND
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện Hội Xuân VNECO	3.000	30.000.000	3.000	30.000.000
<b>Cộng</b>		<b>30.000.000</b>		<b>30.000.000</b>

**9. Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	42.530.135	42.530.135
Công cụ dụng cụ chưa phân bổ	305.266.325	244.721.741
<b>Cộng</b>	<b>347.796.460</b>	<b>287.251.876</b>

**10. Vay và nợ ngắn hạn**

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh	6.915.885.683	5.657.293.649
<b>Cộng</b>	<b>6.915.885.683</b>	<b>5.657.293.649</b>

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh theo các hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn với tổng hạn mức là 12,3 tỷ đồng. Thời hạn vay 9 tháng kể từ ngày nhận nợ, lãi suất được quy định trong từng giấy nhận nợ cụ thể và thay đổi theo thông báo của ngân hàng từng thời kỳ. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hình thức đảm bảo tiền vay là thế chấp toàn bộ tài sản cố định hữu hình và Quyền sử dụng đất của Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	319.778.152	795.881.732
Thuế thu nhập doanh nghiệp	360.458.347	236.422.423
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	110.398.252	108.201.057
Các loại thuế khác	17.419.311	1.650.821
<b>Cộng</b>	<b>808.054.062</b>	<b>1.142.156.033</b>

**12. Chi phí phải trả**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trích trước chi phí lãi vay	-	11.542.553
Trích trước chi phí các công trình	1.347.818.531	779.279.562
<b>Cộng</b>	<b>1.347.818.531</b>	<b>790.822.115</b>

**13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tài sản thừa chờ giải quyết	4.419.726	4.419.726
Kinh phí công đoàn	16.980.046	3.530.046
Bảo hiểm xã hội	171.757.939	98.525.975
Bảo hiểm y tế	11.030.072	-
Bảo hiểm thất nghiệp	4.902.261	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.259.045.291	1.286.193.468
<i>Trong đó:</i>		
- Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	567.578.290	567.578.290
- Phải trả khác	691.467.001	718.615.178
<b>Cộng</b>	<b>1.468.135.335</b>	<b>1.392.669.215</b>

**14. Dự phòng phải trả dài hạn**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí bảo hành sản phẩm	28.880.000	54.920.000
<b>Cộng</b>	<b>28.880.000</b>	<b>54.920.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**15. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2012	21.588.800.000	-	360.027.124	210.622.640	221.414.490	22.380.864.254
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	341.601.010	341.601.010
Mua lại cổ phiếu	-	(475.357.950)	-	-	-	(475.357.950)
Tại ngày 01/01/2013	21.588.800.000	(475.357.950)	360.027.124	210.622.640	563.015.500	22.247.107.314
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	640.965.256	640.965.256
Tại ngày 30/06/2013	21.588.800.000	(475.357.950)	360.027.124	210.622.640	1.203.980.756	22.888.072.570

**b. Cổ phiếu**

	30/06/2013 Cổ phần	01/01/2013 Cổ phần
Số lượng cổ phần được phép phát hành	2.158.880	2.158.880
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	2.158.880	2.158.880
+ Cổ phần thường	2.158.880	2.158.880
Số lượng cổ phiếu được mua lại	60.800	60.800
+ Cổ phiếu thường	60.800	60.800
Số lượng cổ phần đang lưu hành	2.098.080	2.098.080
+ Cổ phần thường	2.098.080	2.098.080

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/ 1 cổ phần.

**16. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận hoạt động là bộ phận hoạt động xây dựng và bộ phận bán hàng hóa, thành phẩm gạch. Tuy nhiên, doanh thu của các bộ phận trừ bộ phận kinh doanh chính là xây dựng chiếm tỷ lệ dưới 10% so với tổng doanh thu của cả Công ty (chi tiết trong thuyết minh số VI.1 và VI.2). Do đó, Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận cho các hoạt động kinh doanh của Công ty.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Số 13, đường Mai Hắc Đế, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Đồng thời, Công ty không có công ty con hay chi nhánh nào khác.

Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10.283.308.701</b>	<b>10.680.899.109</b>
<i><b>Trong đó:</b></i>		
Doanh thu bán hàng hóa	79.168.782	5.437.114.000
Doanh thu hợp đồng xây dựng	10.204.139.919	5.243.785.109

**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	62.968.543	5.365.549.726
Giá vốn hợp đồng xây dựng	7.796.368.003	4.466.780.646
<b>Cộng</b>	<b>7.859.336.546</b>	<b>9.832.330.372</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.796.841	3.800.163
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	125.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	304.800
<b>Cộng</b>	<b>1.796.841</b>	<b>129.104.963</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lãi tiền vay	393.438.741	396.443.310
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(437.756.600)	(968.538.300)
<b>Cộng</b>	<b>(44.317.859)</b>	<b>(572.094.990)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>854.620.339</b>	<b>687.854.149</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>-</b>	<b>(99.407.739)</b>
Trừ: Thu nhập từ nhận cổ tức		(125.000.000)
Cộng: Chi phí không hợp lý, hợp lệ		25.592.261
- <i>Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	-	10.200.000
- <i>Lãi chậm nộp bảo hiểm</i>	-	15.392.261
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>854.620.339</b>	<b>588.446.410</b>
Thuế suất	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>213.655.083</b>	<b>147.111.603</b>
Giảm thuế theo Thông tư 140/2012/TT-BTC	-	44.133.481
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>213.655.083</b>	<b>102.978.122</b>

**6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế</b>	<b>640.965.256</b>	<b>584.876.027</b>
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>640.965.256</b>	<b>584.876.027</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.098.080	2.158.544
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>306</b>	<b>271</b>

**7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.493.739.856	842.533.281
Chi phí nhân công	5.125.878.755	4.168.602.669
Chi phí khấu hao tài sản cố định	67.652.500	96.590.585
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.213.666.313	338.597.890
Chi phí khác	598.922.971	452.259.334
<b>Tổng</b>	<b>9.499.860.395</b>	<b>5.898.583.759</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC****1. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV “Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu” tương ứng.

**Các loại công cụ tài chính****Tài sản tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	607.302.919	303.978.424
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.393.690.674	19.681.224.418
Đầu tư ngắn hạn	2.592.349.900	2.154.593.300
Đầu tư dài hạn	30.000.000	30.000.000
<b>Cộng</b>	<b>24.623.343.493</b>	<b>22.169.796.142</b>

**Công nợ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Các khoản vay	6.915.885.683	5.657.293.649
Phải trả người bán và phải trả khác	5.495.734.588	5.035.745.642
Chi phí phải trả	1.347.818.531	790.822.115
<b>Cộng</b>	<b>13.759.438.802</b>	<b>11.483.861.406</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

<b>Tại 30/06/2013</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Sau 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	5.495.734.588	-	-	5.495.734.588
Chi phí phải trả	1.347.818.531	-	-	1.347.818.531
Các khoản vay	6.915.885.683	-	-	6.915.885.683
<b>Tại 01/01/2013</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	5.035.745.642	-	-	5.035.745.642
Chi phí phải trả	790.822.115	-	-	790.822.115
Các khoản vay	5.657.293.649	-	-	5.657.293.649

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>Tại 30/06/2013</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.393.690.674	-	-	21.393.690.674
Đầu tư ngắn hạn	2.592.349.900	-	-	2.592.349.900
<b>Tại 01/01/2013</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.681.224.418	-	-	19.681.224.418
Đầu tư ngắn hạn	2.154.593.300	-	-	2.154.593.300

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****2. Sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo**

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính.

**3. Thông tin về bên liên quan**

*Trong kỳ Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:*

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
<b>Doanh thu</b>		
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	10.204.139.919	10.709.626.493
<b>Số dư với các bên liên quan:</b>		
	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	15.565.153.799	12.767.616.537
<b>Các khoản phải trả</b>		
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	567.578.290	287.778.491

**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh.



Nguyễn Đậu Thảo  
Giám đốc

Ngày 12 tháng 08 năm 2013

Nguyễn Thế Hùng  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thế Hùng  
Người lập